TAND HUYỆN CẨM THỦY **Tỉnh Thanh Hóa**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18/04/2023
Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY - TỈNH THANH HÓA

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Thọ

2. Ông Trịnh Huy Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 04 năm 2023, Tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2023.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1970

HKTT: Thôn ĐT, xã Cẩm C, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Trương Công Ch - sinh năm 1970

HKTT: Thôn ĐT, xã Cẩm C, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh Ch vắng mặt chị Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiên, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Đ trình bày: Chị và anh Ch tổ chức đám cưới tháng 01 năm 1988, nhưng không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ch không chăm lo kinh tế

gia đình. Nhiều lần chị đã động viên khuyên bảo nhưng anh Ch không sửa chữa. Anh Ch còn hay đánh đập chị, nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Chị và anh Ch có 04 con chung là: Trương Thị Hường - Sinh ngày 09/02 /1989; Trương Thị Huệ - Sinh ngày 03/11/1992; Trương Công Huỳnh - Sinh ngày 20/11/1994; Trương Công Hữu - Sinh ngày 19/4/1997.

Các cháu đã thành niên và lập gia đình nên ở với ai tùy các cháu.

Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Anh Ch cũng trình bày về hôn nhân con chung và tài sản thống nhất như ý kiến của chị Đ. Mâu thuẫn vợ chồng sảy ra từ năm 2007. Chị Đ đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài từ năm 2007 vợ chồng cũng ly thân từ đó. Vì vậy chị Đ làm đơn xin được ly hôn anh, anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị xử: Không công nhận chị Lê Thị Đ và anh Trương Công Ch là vợ chồng; các con chung của chị Đ anh Ch đều đã thành niên; về tài sản chung chị Đ và anh Ch không yêu cầu giải quyết; Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Đ làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là anh Trương Công Ch có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đồng Thanh, xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về Hôn nhân: Chị Đ và anh Ch tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương,trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh Ch chung sống với nhau từ năm 1988. Trong thời gian chung sống anh chị đã sảy ra mâu thuẫn anh Ch không tu chí, không chăm lo đến kinh tế gia đình.Hiện tại mâu thuẫn đã trầm trọng, đã sống ly thân nhiều năm nay. Xét nguyện vọng ly hôn của chị Đ là chính đáng. Căn cứ điểm b, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Hôn nhân của chị Lê Thị Đ và anh Trương Công Ch là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình về thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử không công nhận chị Lê Thị Đ và anh Trương Công Ch là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Đ và anh Ch có 04 con chung là Trương Thị Hường - Sinh ngày 09/02 /1989; Trương Thị Huệ - Sinh ngày 03/11/1992; Trương Công Huỳnh - Sinh ngày 20/11/1994; Trương Công Hữu - Sinh ngày 19/4/1997. Các cháu đều đã thành niên.

[5] Về tài sản chung; Chị Đ và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đồng án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Lê Thị Đ và anh Trương Công Ch là vợ chồng.

Về con chung: Chị Đ và anh Ch có 04 con chung là Trương Thị Hường - Sinh ngày 09/02 /1989; Trương Thị Huệ - Sinh ngày 03/11/1992; Trương Công Huỳnh - Sinh ngày 20/11/1994; Trương Công Hữu - Sinh ngày 19/4/1997. Các cháu đều đã thành niên.

Về tài sản chung: Chị Đ và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đồng án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010437 ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Thủy.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Cẩm Thủy;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Cẩm Châu;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Sơn